

Số: 1518/UBND-TH

Sa Thầy, ngày 27 tháng 6 năm 2023

V/v lấy ý kiến Nhiệm vụ
quy hoạch xây dựng vùng
huyện Sa Thầy, tỉnh Kon
Tum đến năm 2040

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện;
- Các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Cộng đồng dân cư các xã, thị trấn.

I. Căn cứ xây dựng Quy hoạch

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan về quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật”, Mã số QCVN 07:2016/BXD;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 942/TB-VP ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Thông báo Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Ngọc Tuấn về công tác đầu tư, quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1169/UBND-HTKT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Công văn số 901/UBND-TH ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040;

Xét đề xuất của Phòng Kinh tế Hạ tầng tại Báo cáo số 206/BC-KTHT ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc đề xuất Ủy ban nhân huyện ban hành văn bản lấy ý kiến cơ quan tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư đối với nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sa Thầy đến năm 2040

Để có cơ sở trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040, Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy đề nghị các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư liên quan xem xét, cho ý kiến đối với nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể như sau:

II. Nội dung chính

1. Tên, tỷ lệ đồ án quy hoạch

1.1. Tên quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

1.2. Tỷ lệ: 1/25000.

2. Phạm vi và ranh giới

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Sa Thầy, với 11 đơn vị hành chính, gồm 01 thị trấn (*Sa Thầy*) và 10 xã trực thuộc (*Hơ Moong, Mô Rai, Rơ Koi, Sa Bình, Sa Nghĩa, Sa Nhơn, Sa Sơn, Ya Ly, Ya Tăng, Ya Xiêr*), giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Ngọc Hồi và huyện Đăk Tô.
- Phía Nam giáp huyện Ia H'Drai (*tỉnh Kon Tum*) và tỉnh Gia Lai.
- Phía Đông giáp thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà.
- Phía Tây giáp Cam Pu Chia.

(Có sơ đồ vị trí ranh giới kèm theo)

b) Quy mô diện tích vùng: Vùng huyện có tổng diện tích tự nhiên khoảng 143.172,86 ha (1.431,73 km²).

c) Quy mô dân số: Dân số trung bình toàn huyện năm 2023 khoảng 55.400 người.

d) Thời hạn quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030;

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

a) Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển huyện Sa Thầy phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực.

- Khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, tăng cường hợp tác với các địa phương trong tỉnh nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội;

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là vùng sâu, vùng xa và các vị trí chiến lược trên địa bàn huyện. Bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên và môi trường.

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch kinh tế xã hội huyện Sa Thầy đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của huyện.

- Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới phát triển kinh tế, tập trung xây dựng huyện phát triển theo hướng bền vững với cơ cấu kinh tế. Tập trung đột phá về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế, xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; giữ vững tăng trưởng kinh tế cao.

- Phát triển kinh tế nông thôn gắn liền với xây dựng các xã nông thôn mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá; tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt trong cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch các vùng, bãi để trồng cỏ và chăn nuôi đại gia súc; đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá - xã hội, khoa học công nghệ, nhất là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu lao động của huyện và của tỉnh.

- Xây dựng các tiêu chí nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia hướng tới là huyện nông thôn mới, đảm bảo các tiền đề cho phát triển đô thị Thị trấn Sa

Thầy và đô thị Mô Rai phù hợp theo định hướng mạng lưới đô thị của tỉnh; bảo vệ môi trường, di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, đất đai; làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ để sớm đưa Thị trấn Sa Thầy trở thành đô thị loại IV và thành lập đô thị Mô Rai là đô thị loại V trong giai đoạn 2026 - 2030.

4. Tính chất, chức năng vùng

- Là vùng có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt đối với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng Tỉnh.

- Là đầu mối giao thông liên vùng quan trọng của Tỉnh có các tuyến đường huyết mạch như Quốc lộ 14C, QL24 nối liền với cửa khẩu Bờ Y huyện Ngọc Hồi, huyện Ia H'Drai giúp cho huyện có lợi thế trong việc thông thương, giao lưu trao đổi hàng hóa với các khu vực lân cận.

- Là vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển lâm nghiệp trồng rừng, trồng cây dược liệu gắn với công nghiệp chế biến; năng lượng và các lợi thế về du lịch sinh thái, du lịch tâm linh và văn hóa.

5. Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

a) Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 63.725 người; Đến năm 2040 khoảng 75.425 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn hiện nay đến 2030: khoảng 39,2%, quy mô dân số đô thị loại IV là thị trấn Sa Thầy khoảng 21.000 người (*khoảng 32,9%*), dân số đô thị loại V là đô thị Mô Rai khoảng 4.000 người (*khoảng 6,3%*).

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2030-2040: khoảng 40,4%, quy mô dân số đô thị Sa Thầy khoảng 25.649 người (*khoảng 34,0%*) và đô thị Mô Rai khoảng 4.886 người (*khoảng 6,4%*).

b) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích tự nhiên của huyện: 143.172,86 ha (*1.431,73 km²*).

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2030: Đất nông nghiệp 133.239,37 ha chiếm khoảng 93,06%; Đất phi nông nghiệp 9.852,85 ha chiếm khoảng 6,88%; Đất chưa sử dụng khoảng: 80,64 ha chiếm khoảng 0,06%.

- Dự báo quy mô đất đai toàn huyện đến năm 2040: Đất nông nghiệp: 133.091,69 ha chiếm khoảng 92,92%; Đất phi nông nghiệp: 10.054,53ha chiếm khoảng 7,02%; Đất chưa sử dụng: 80,64 ha chiếm khoảng 0,06%.

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện	1000 người	63,7	75,4
	Tỷ lệ tăng dân số trung bình/năm	%	2,02	1,7
	<i>Tăng tự nhiên</i>	%	1,22	1,2
	<i>Tăng cơ học</i>	%	0,8	0,5
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	39,2	40,4
3	Đất dân dụng đô thị			
	<i>Thị trấn Sa Thầy</i>	<i>m²/người</i>	50 - 80	50-80
	<i>Đô thị Mô Rai</i>	<i>m²/người</i>	70 - 100	70-100
4	Đất ở trung bình			
	<i>Khu vực đô thị</i>	<i>m²/người</i>		
	+ <i>Thị trấn Sa Thầy</i>		28 - 45	28 - 45
	+ <i>Đô thị Mô Rai</i>		45 - 55	45 - 55
	<i>Khu vực nông thôn</i>	<i>m²/người</i>	>25	>25
5	Chỉ tiêu cấp điện			
5.1	<i>Cấp điện sinh hoạt</i>	Qsh		
	- <i>Khu vực đô thị</i>	<i>W/người</i>	200	300
	- <i>Các điểm dân cư nông thôn</i>	<i>W/người</i>	150	150
5.2	<i>Công nghiệp</i>	kw/ha	50 - 250	50 - 250
5.3	<i>Công cộng-Dịch vụ</i>			
	<i>Khu vực đô thị</i>	% Qsh	30	30
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>	% Qsh	15	15
6	Chỉ tiêu cấp nước			
6.1	<i>Sinh hoạt</i>	Qsh		
	- <i>Khu vực đô thị</i>	<i>lít/người/ng.đ</i>	100	120
	- <i>Các điểm dân cư nông thôn</i>	<i>lít/người/ng.đ</i>	60	80
6.2	<i>Công nghiệp</i>	<i>m³/ha.ngđ</i>	>20	>20
6.3	<i>Công cộng</i>	%Qsh	10	10
7	Thu gom nước thải			
7.1	<i>Thu gom nước thải sinh hoạt</i>			
	<i>Đô thị</i>	%Qsh	90	95
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>	%Qsh	80	80
7.2	<i>Thu gom nước thải công nghiệp</i>	%Qcn	100	100
8	Cây xanh			
	<i>Đô thị Thị trấn Sa Thầy</i>	<i>m²/người</i>	≥5	≥5
	<i>Đô thị Mô Rai</i>	<i>m²/người</i>	≥4	≥4
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>	<i>m²/người</i>	≥2	≥2
9	Đất giao thông đô thị			
	- <i>Tính đến đường liên khu vực</i>	% đất xây dựng	≥ 6	≥6

(Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cần phải luận chứng cụ thể và

thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển vùng huyện).

6. Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch vùng huyện

a) Yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng

Thu thập các tài liệu điều tra và thống kê toàn huyện theo địa bàn các xã về dân số và lao động; Hiện trạng kinh tế xã hội; Hiện trạng đô thị, nông thôn, tình hình xây dựng nông thôn mới; Hiện trạng về đất đai xây dựng đô thị, nông thôn, các khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Tài nguyên, môi trường; Hiện trạng các chương trình, quy hoạch, dự án đầu tư phát triển đã và đang thực hiện. Đánh giá thực trạng các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- Rà soát các chương trình, quy hoạch và dự án đầu tư trọng điểm trong vùng huyện: khớp nối đồng bộ, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch ngành.

- Đánh giá hiện trạng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế- xã hội của vùng huyện.

b) Định hướng phát triển không gian vùng

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, xác định phân vùng theo đoạn tuyến và tổ chức kết nối vùng dọc tuyến;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Đối với vùng chức năng đặc thù phải xác định các trung tâm chuyên ngành theo chức năng đặc thù. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, phải xác định hệ thống các trung tâm công cộng dọc tuyến;

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

c) Định hướng Hệ thống hạ tầng xã hội vùng

Định hướng tổng hợp các công trình phục vụ cho đô thị và các điểm dân cư, như nhà văn hoá, các cơ sở y tế, các trường học và các hoạt động dịch vụ công cộng khác. Đảm bảo gắn liền với đời sống của các điểm dân cư, góp phần ổn định nâng cao đời sống dân cư trong vùng; Nâng cao và đáp ứng toàn diện những nhu cầu của các hoạt động kinh tế, góp phần nâng cao hiệu quả năng suất lao động; Tạo lập và phát triển hài hoà, cân đối và đồng bộ, phù hợp với sự phát triển của các cơ cấu thành phần khác trong vùng; Giảm bớt sự chênh lệch trong việc cung cấp và trang bị cơ sở hạ tầng giữa đô thị và nông thôn, giữa các vùng lãnh thổ; Đáp ứng các yêu cầu về hội nhập quốc tế và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu; Bảo đảm tính đồng bộ về không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm.

d) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng

- Định hướng các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn gồm: Công trình thủy lợi, công trình đê điều và một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình trong các cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Giao thông, cao độ nền và hạ tầng thoát nước mặt, cấp điện, cung cấp năng lượng (*khí đốt, xăng, dầu*), cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn; Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng; Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch; Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường. Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (*đô thị, nông thôn, các khu vực bảo tồn,...*) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện; Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường. Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

f) Quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý; Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế; Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn; Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng; Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường; Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình

kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng; Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng.

7. Các công trình, dự án ưu tiên

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.
- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.
- + Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.
- + Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.
- + Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.
- Các chương trình đầu tư:
 - + Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.
 - + Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.
 - + Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.
 - Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.
 - + Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện (*khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ...*) từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.
 - + Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn huyện.

8. Hồ sơ sản phẩm

- Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010

về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ (không kể hồ sơ trình duyệt và thẩm định). Nội dung thể hiện theo quy định hiện hành:

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Hồ sơ	
			A0	A3
I	Phần bản vẽ			
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	Thích hợp	x	x
2	Bản đồ hiện trạng vùng		x	x
2.1	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên vùng	1/25.000	x	x
2.2	Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/25.000	x	x
2.3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội	1/25.000	x	x
2.4	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/25.000	x	x
3	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển	1/25.000	x	x
4	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000	x	x
5	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng	1/25.000	x	x
II	Phần thuyết minh			
1	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan; các bản đồ, sơ đồ có liên quan đính kèm thuyết minh tổng hợp.	A4		
2	Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	A4		
3	Dự thảo tờ trình, quyết định phê duyệt	A4		
III	Đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu hồ sơ đồ án			

(Có hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch kèm theo)

III. Tổ chức lấy ý kiến

1. Đối các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng chân trên địa bàn huyện: Tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị mình gửi văn bản góp ý về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Kinh tế Hạ tầng) **trước ngày 17 tháng 7 năm 2023.** (Đối với các cơ quan đơn vị không sử dụng hệ thống Ofich gửi văn bản giấy theo địa chỉ: Phòng Kinh tế Hạ tầng, 02 Nguyễn Văn Cừ, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum Kon Tum)

2. Đối với lấy ý kiến của các Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các xã, thị trấn: Giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền rộng rãi, tổ chức

hợp công khai lấy ý kiến khu dân cư; Tổng hợp ý kiến, Báo cáo kết quả lấy ý kiến khu dân (kèm theo Biên bản họp khu dân cư) gửi về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Kinh tế Hạ tầng) **trước ngày 08 tháng 8 năm 2023.**

3. Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện về UBND huyện biết chỉ đạo; tổng hợp ý kiến, hoàn thiện Quy hoạch, tham mưu UBND huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương... nghiêm túc triển khai thực hiện, báo cáo kết quả đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT-LT,PTB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Kim Thái